BỘ Y TẾ **BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TW**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 541 /BVNTTW	*Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025*

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư y tế lần 1 năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bồ - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Phạm Thị Phượng, Chuyên viên phòng VTTBYT;

Số điện thoại: 0984704354; Email: vttbyt.bvnttw@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng A403 - Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Đường Nguyễn Bồ - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 phút ngày 18/4/2025 đến 16 giờ 00 phút ngày 28/4/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 28/4/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

(Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Trụ sở: Đường Nguyễn Bồ - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội và Số 80 ngõ 82 - Thịnh Quang - Đống Đa - Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm.)

- Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật hàng hóa và các tài liệu liên quan.

Rất mong được sự hợp tác của Quý vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TRUNG ƯƠNG

Phan Hoàng Hiệp

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ LẦN 1 NĂM 2025

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 541 /BVNTTW ngày 18 tháng 4 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Ăng cấy vô khuẩn 10 µl	Cái	8.750	Ăng cấy vô khuẩn dùng 1 lần loại 10µl. Nguyên liệu nhựa ABS hoặc tương đương.
2	Áo giấy phẫu thuật dùng 1 lần, size L	Cái	10.010	Được làm từ nguyên liệu gạc không dệt không thấm ≥50g/m2. Màu xanh blue. Đóng gói: 1 cái/gói, Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
3	Bàn chải cọ rửa dụng cụ y tế các cỡ	Chiếc	30	Bàn chải dùng để cọ rửa dụng cụ y tế các cỡ
4	Băng cuộn 10cm x 5m	Cuộn	40.713	Kích thước 10cm x5m. Làm từ nguyên liệu gạc hút nước: Không có hóa chất tẩy trắng;
5	Băng cuộn DACC hoặc tương đương sử dụng cho vết thương sâu kích thước khoảng 5cm X 200cm	Cuộn	220	- Kích thước: 200cm x 5cm hoặc tương đương - Thành phần: vải axetat tẩm dẫn xuất axit béo DACC kiểm soát và ngừa nhiễm trùng hiệu quả. - Lớp tiếp xúc vết thương không dính, không sót sợi. Phù hợp cho tất cả các vết thương không sạch, nhiễm trùng và khu trú như: vết thương mãn tính như loét động mạch, tĩnh mạch, loét do tiểu đường hoặc loét tì đè; vết thương cấp tính như vết cắt, vết bỏng, trầy da; vết thương hậu phẫu; các vết thương do chấn thương; vết thương sau khi loại bỏ lỗ rò và áp xe; vết thương trên diện rộng, sâu. - Vô trùng, đóng gói kín riêng từng miếng, tiệt trùng bằng bức xạ Gamma. - Tiêu chuẩn CE
6	Băng dính cá nhân 2cm x 6cm hoặc tương đương	Hộp	21.406	Làm từ sợi vải đàn hồi phủ keo oxit kẽm, có miếng gạc thấm hút, có phủ lớp chống dính. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp tối thiểu 100 miếng
7	Băng đựng hóa chất dùng cho Máy hấp tiệt trùng STERRAD 100S	Hộp	38	Băng đựng hóa chất H202 dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S. Mỗi băng gồm 10 cell chứa 1,8 ml H2O2 58%. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO, CFS. Hộp tối thiểu 5 băng.

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
8	Băng mực in dùng cho máy tiệt trùng STERRAD 100S	Hộp	13	Mực in dùng cho máy in máy tiệt trùng Sterrad 100S
9	Băng thun y tế	Cuộn	2.000	Băng thun y tế 3 móc, kích thước 10cm x 4.5m
10	Bao bọc bàn và cổ chân (vô khuẩn - dùng 1 lần)	Đôi	500	Được làm bằng chất liệu vải không dệt 100% PP (PolyPropylene) hoặc tương đương, phù hợp với mọi kích thước giày. Bao bọc bàn và cổ chân. Vô khuẩn
11	Bao cao su	Cái	5.125	Được làm từ mủ cao su hoặc tương đương
12	Bình nhựa có vòi loại 500ml	Cái	50	Bình nhựa có vòi dung tích khoảng 500ml
13	Bình nón thủy tinh 250ml	Cái	200	Bình nón thủy tinh dung tích khoảng 250ml
14	Bộ dụng cụ nẹp cổ	Cái	14	Bộ dụng cụ nẹp cổ bằng mút xốp mềm, có khóa dán Velcro
15	Bộ hút đờm kín	Cái	25	Làm từ chất liệu nhựa PVC, không độc hại, không gây kích ứng da. Được thiết kế loại bỏ dịch tiết phế quản đặt trong nội khí quản. Có các số: 6F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F, 18F Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
16	Bộ kim bướm lấy máu chân không	Cái	200	Chất liệu: Ống nhựa PVC, kim thép không gỉ, vỏ kim nhựa PE, tay áo cao su. Dùng trong lấy máu chân không. Loại kim lấy máu 1 chiều, ngăn chảy máu ngược, tự động ngắt khi đủ liều. Đóng gói từng chiếc, tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
17	Bộ kit tách chiết huyết tương, giàu tiểu cầu RegenKit - THT - 3	Bộ	50	Bộ Kit PRP tách huyết tương giàu tiểu cầu Mỗi bộ KIT bao gồm: – 01 Kim lấy máu cánh bướm 22G kèm holder – 03 Ống lấy máu chân không chứa sẵn chất chống đông máu ACD-BD của Mỹ – 02 Ống falcon ly tâm 15ml vô trùng Hãng Biologix. – 02 ống pipet 3ml hút huyết tương vô trùng Hãng Biologix – 05 Ống ly tâm 1.5ml vô trùng Hãng Biologix.(đựng PPP mang về) - 2 ống 5ml nắp trắng – 01 calci cloric 500mg hoạt hoá tiểu cầu – 02 bông tẩm cồn, 01 kẹp bẻ ông tiêm

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
18	Bộ nẹp gãy xương cẳng tay	Cái	13	-Chất liệu Vải dệt kim, Vải có lỗ thoáng khí, Vải cào lông. + Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm hoặc tương đương - Thiết kế phù hợp cho cả tay trái và tay phải
19	Bơm tiêm 20 ml	Cái	99.200	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014
20	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 1,1ml	Ống tiêm	2.574	Dung tích ≥1.1ml/ống tiêm - Thành phần chính: Natri hyaluronat - Mục đích: Sử dụng sau phẫu thuật để làm giảm sự kết dính của mô xung quanh phẫu trường. - Sản phẩm không có tính oxy hóa và độc tính
21	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 2,5ml	Ống tiêm	1.000	Gel Natri hyaluronate được chứa sẵn trong bơm tiêm, dung tích ≥2,5ml, hàm lượng 10mg/ml, đóng gói bao bì y tế kháng vi sinh vật, kháng acid và kháng kiềm
22	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 2ml	Ống tiêm	1.250	Gel Natri hyaluronate được chứa sẵn trong bơm tiêm, dung tích ≥2ml, hàm lượng 10mg/ml, đóng gói bao bì y tế kháng vi sinh vật, kháng acid và kháng kiềm
23	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 3ml	Ống tiêm	1.250	Bơm tiêm chứa chất lỏng Natri Hyaluronat dạng gel có độ nhớt và trong suốt. Dung tích ≥3ml/ống tiêm
24	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 5ml	Ống tiêm	50	Gel Natri hyaluronate được chứa sẵn trong bơm tiêm, dung tích ≥5ml, hàm lượng 10mg/ml, đạt tiêu chuẩn CE (châu Âu)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
25	Bơm tiêm Insulin 0.5ml (30G*7.9mm)	Cái	110.000	Dung tích bơm tiêm: 100UI/0,5ml + Loại kim 30G làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh + Pít tông được làm tối thiểu từ cao su Polyisoprene và chứa dầu silicon giúp pít tông chuyển động trơn tru + Sản phẩm không chứa Polyvinyl Chloride (PVC) + Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu), Chứng nhận lưu hành tự do Châu Âu (EU CFS)
26	Bóng ambu người lớn	Bộ	34	Bóng bóp dung tích khoảng 2500ml, sử dụng vật liệu Silicon, tích hợp van giảm áp
27	Bông cắt 3x3cm vô trùng	Gói	415.663	Bông hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazơ: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước bông cắt khoảng 3x3cm, đóng gói tối thiểu 10g, vô trùng
28	Bông y tế	Kg	31	Bông thấm 100% cotton, trắng. PH trung tính, không có sợi ngoại lai. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.
29	Casset xử lý mô	Cái	225.000	Cassettes với các lỗ nhỏ và nắp có thể tháo rời. Làm từ nhựa có thể chịu được hầu hết các dung môi, dung dịch khử canxi và siêu âm. Có thể được dùng với kỹ thuật nhúng vi sóng hoặc chân không. Tương thích với hầu hết các máy in cassettes tự động. Có sẵn nhiều màu: Trắng, Cam, Đỏ, Tím, ... Kích thước ≥40x28x6mm – mặt in trước vát 45°. Vật liệu: POM (Polyoxymethylene). Chịu nhiệt: -40°C đến +110°C
30	Catheter 2 nòng (dùng cho thận nhân tạo)	Cái	280	- Catheter chạy thận nhân tạo được sử dụng để thẩm phân máu và truyền tĩnh mạch, đồng thời có thể theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm. Thời gian sử dụng không quá 30 ngày Catheter 2 nòng 12F x 16cm, 20cm loại thẳng chất liệu polyurethane hoặc tương đương Dây dẫn hướng thép không gỉ đầu J 0.038"x60cm, 2 Que nong 10Fr và 12Fr, kim 18G x 7cm, dao mổ, nắp tiêm, bơm tiêm 5ml. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE(Châu Âu)
31	Catheter dẫn lưu màng phổi	Cái	25	Ống thông màng phổi kèm theo nòng Trocar, đã tiệt trùng. Chất liệu PVC không có DEHP hoặc tương đương. Các số. Có một đầu thon dần giúp nối với bình hút dịch. Một đầu có đánh số từ mức 5, 10, 15, 20cm để xác định độ sâu của vị trí chọc tới. Đạt tiêu chuẩn EC (Châu Âu).

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
32	Catheter đặt tĩnh mạch (đường dẫn vào mao mạch)	Cái	300	Loại 1 nòng, kích thước 6F, 7F dùng để mở đường vào mạch máu
33	Catheter đo huyết áp động mạch xâm lấn	Bộ	188	Bộ dây đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường, áp lực kết nối ≥ 15N, áp lực đầu vào khoảng: -30mHg ~300mHg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
34	Catheter mềm để bơm tinh trùng vào buồng tử cung	Cái	220	Dụng cụ bơm tinh trùng vào buồng cổ tử cung. Được làm bằng nhựa mềm hoặc tương đương. Chiều dài ống: 17-17,5 cm. Được tiệt trùng. Đường kính ngoài: 1,65mm (± 0.05mm). Đầu catheter có 2 lỗ thông, thuận tiện cho việc đưa tinh trùng vào cổ tử cung. Chiều dài của phần đầu xa là 45mm. Có đánh dấu từ 5-10cm/ 6 vạch chia: 5,6,7,8,9 và 10). Có thử nghiệm MEA test và LAL test
35	Chai đựng dung dịch Lugol 1%	Cái	30	Dung dịch Lugol 1%. Dung tích: 500ml. Thành Phần: Iod, Kali Iodid, tá dược vừa đủ chai 500ml.
36	Chai lọ thủy tinh nút mài nắp đậy tối màu loại 125ml	Chai	7	Chai lọ thủy tinh nút mài nắp đậy tối màu loại 125ml
37	Chất hàn ống tủy Cortisomol	Lọ	4	Lọ bột khô dùng đánh với eugenol. Lọ tối thiểu 25g
38	Chất hàn răng Fuji I	Lọ	5	Cement trám Glass ionomer cement loại to. Lọ tối thểu 15g
39	Chất hàn tạm Caviton	Lọ	4	Chất hàn tạm trong điều trị tủy. Lọ tối thểu 30g
40	Chất lấy dấu răng Alginate	Gói	8	Bột lấy dấu răng loại màu hồng. Gói tối thiểu 500g
41	Chỉ Chromic 2/0, W441 (hoặc tương đương)	Sợi	24	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài khoảng 75cm kim tròn 1/2C dài khoảng 26mm.
42	Chỉ Daclon 1/0 (hoặc tương đương)	Sợi	12	Chỉ không tan đơn sợi Polyamid 6/66, số 1/0, Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
43	Chỉ Daclon 3/0 (hoặc tương đương)	Sợi	100	Chỉ không tan đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0 Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
44	Chỉ Dafilon 4/0 (hoặc tương đương)	Sợi	1.200	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim đạt độ nhám bề mặt ≤ 0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
45	Chỉ Dafilon 5/0 (hoặc tương đương)	Sợi	2.400	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim đạt độ nhám bề mặt ≤ 0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6.67N. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
46	Chỉ Dafilon 6/0 (hoặc tương đương)	Sợi	4.500	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 6/0, dài 45cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 12mm, kim đạt độ nhám bề mặt ≤ 0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 3.04N. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
47	Chỉ Ethilon 3/0 W3328 (hoặc tương đương)	Sợi	1.200	Chỉ không tan tổng hợp Polyamid 6/66, số 3/0, dài chỉ ≥70cm, 1 kim tam giác dài ≥24mm , 3/8 vòng tròn, kim thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
48	Chỉ không tiêu Prolen 2/0 W8977 (hoặc tương đương)	Sợi	24	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp số 2/0 Kim thép không gỉ, phủ Silicon. 2 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, kim dài 26mm, chỉ dài 90cm. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
49	Chỉ không tiêu Prolene 4/0 W8840 (hoặc tương đương)	Sợi	1.200	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene, số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim thép không gỉ, phủ silicone Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
50	Chỉ không tiêu Prolene 5/0 8934H (hoặc tương đương)	Sợi	1.200	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylen, số 5/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
51	Chỉ không tiêu Prolene số 1 W8450 (hoặc tương đương)	Sợi	30	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 1 dài 100cm, 1 kim tròn, 1/2 vòng tròn, kim dài ≥40mm Kim được làm từ thép không gỉ, phủ Silicone Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu
52	Chỉ Monosyn 4/0 (hoặc tương đương)	Sợi	4.800	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% Trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim đạt độ nhám bề mặt ≤ 0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
53	Chỉ Monosyn 5/0 (hoặc tương đương)	Sợi	4.800	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% Trimethylene) số 5/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, kim đạt độ nhám bề mặt ≤ 0,4 Ra, phủ silicon. Lực

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
				căng kéo nút thắt 13.81N. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
54	Chỉ Nylon 7/0 (hoặc tương đương)	Sợi	2.400	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamide 6 - 6.6 (Nylon), số 7/0, kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75 cm, chiều dài kim 13, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
55	Chỉ Vicryl 1/0 W9431 (hoặc tương đương)	Sợi	2.800	Chỉ số 1, thành phần Polyglactin 910, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, dài 40mm Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
56	Chỉ Vicryl 3/0 W9120 (hoặc tương đương)	Sợi	7.791	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao Polyglactin 370 và Calcium Stearate, số 3/0, chỉ dài ≥70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
57	Chỉ Vicryl 4/0 có kim W9113 (hoặc tương đương)	Sợi	24	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 20mm, chất liệu thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
58	Chỉ Vicryl 5/0 W9105 (hoặc tương đương)	Sợi	4.200	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 5/0 dài ≥70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, làm bằng thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
59	Chỉ Vicryl 6/0 W9981 (hoặc tương đương)	Sợi	43.050	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 6/0, chỉ dài ≥45 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, kim thép không gỉ, phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
60	Chỉ Vicryl 7/0 W9561 (hoặc tương đương)	Sợi	900	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 7/0 dài ≥30 cm, hai kim đầu hình thang, bằng thép không gỉ dài ≥6.5mm 3/8 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
61	Chỉ Vicryl kháng khuẩn số 1/0 VCP359H (hoặc tương đương)	Sợi	300	Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao polyglactin 370 và Calcium stearate số 1, có chất kháng khuẩn, chỉ dài 90cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn dài 40mm, kim thép không gỉ, phủ silicon Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn CE (Châu Âu)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
62	Chỉ Vicryl rapide 6/0 W9913 (hoặc tương đương)	Sợi	4.800	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 và Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm. Kim thép không gỉ, phủ Silicon. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày. 1 Kim thân cắt tam giác, 3/8 Vòng tròn , Kim dài ≥11mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
63	Chụp hợp kim Titan cẩn sứ	Cái	100	Khung sườn kim loại thường được làm bằng hợp kim Titan. Độ dày sườn kim loại thường 0,5 mm, chế tác bằng kỹ thuật đúc, lớp sứ phủ bên ngoài chịu được nhiệt độ, áp lực.
64	Chụp kim loại cẩn sứ	Cái	200	Khung sườn kim loại thường được làm bằng hợp kim crom-coban hoặc niken-crom. Độ dày sườn kim loại thường 0,5 mm, chế tác bằng kỹ thuật đúc, lớp sứ phủ bên ngoài chịu được nhiệt độ, áp lực.
65	Chụp sứ toàn phần (sứ Venus)	Cái	150	Sử dụng 100% phôi sứ nguyên chất gồm khung sườn và lớp sứ phủ bên ngoài. Khả năng chịu lực nhai khoảng 300-400Mpa, gấp 1.6 lần so với răng sứ KL. Không sinh nhiệt, ít bị oxy hóa, ít bị acid hóa.
66	Chụp sứ toàn phần Cercon	Cái	50	Cấu tạo gồm : lớp sườn bằng Zirconia và lớp sứ kép Cercon Kiss tráng bên ngoài, chế tác bằng công nghệ CAD/CAM, chịu lực nhai khoảng 900Mpa, có độ bền với lực uốn cong, mức độ chống mài mòn cao.
67	Cốc giấy đựng nước tiểu 70ml	Cái	154.000	Cốc giấy dung tích khoảng 2-3oz
68	Cốc giấy pha đường nghiệm pháp 500ml	Cái	4.650	Cốc giấy pha đường nghiệm pháp dung tích khoảng 500ml
69	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 1000ml	Cái	1	Cốc thủy tinh trong suốt, có mỏ, có chia vạch, dung tích 1000ml
70	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 100ml	Cái	15	Cốc thủy tinh trong suốt, có chia vạch, có mỏ, dung tích 100ml
71	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 2000ml	Cái	15	Cốc thủy tinh trong suốt, có mỏ, có chia vạch, dung tích 2000ml
72	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 50ml	Cái	100	Cốc thủy tinh trong suốt, có mỏ, có chia vạch, dung tích 50ml
73	Cốc thủy tinh loại 500ml	Cái	36	Cốc thủy tinh phòng thí nghiệm 500ml, có vạch chia thể tích
74	Composite Harmonize đặc màu	Tuýp	38	Composite đặc dùng để trám răng, màu A2. Tuýp tối thiểu 4g

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	A2			
75	Composite lỏng	Tuýp	11	Composite lỏng dạng bơm tiêm dùng trong nha khoa. Tối thiểu tuýp 1.2ml
76	Con sâu nối giữa sonde hút đờm và dây máy hút	Cái	66	Con sâu nối giữa sonde hút đờm và dây máy hút.
77	Cone giấy (15/40)	Hộp	22	Hộp cone giấy các size từ 15 - 40 dùng trong nha khoa. Tối thiểu 120 cây/hộp.
78	Cone guta số 20	Hộp	20	Cone hàn ống tủy loại màu vàng.Tối thiểu 120 cây/hộp.
79	Cone guta số 25.30	Hộp	20	Cone hàn ống tủy dùng trong nha khoa loại màu đỏ, xanh da trời. Tối thiểu 120 cây/hộp.
80	Cone guta số 35.40	Hộp	20	Cone hàn ống tủy dùng trong nha khoa loại màu xanh lá, đen. Tối thiểu 120 cây/hộp.
81	Cone GUTTA (15/40)	Hộp	11	Cone hàn ống tủy dùng trong nha khoa, các size từ 15-40. Tối thiểu 100 cây/ hộp
82	Cone Gutta percha F1	Hộp	4	Cone gutta percha F1 dùng trong nha khoa, Tối thiểu 60 cây/hộp.
83	Cone Gutta percha F2	Hộp	4	Cone gutta percha F2 dùng trong nha khoa, Tối thiểu 60 cây/hộp.
84	Cưa dây (dây cưa xương)	Cái	29	Dây cưa xương
85	Đầu Col Trắng 5000 µl (có khía)	Cái	6.713	Đầu côn trắng làm từ nhựa PP trong hoặc tương đương, không kim loại. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet, dung tích 5000 µl (có khía). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485; CE (Châu Âu)
86	Đầu Col Trắng 500-1500 µL (có khía)	Cái	21.500	Đầu côn trắng làm từ nhựa PP trong hoặc tương đương, không kim loại. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; Dung tích 500-1500 µL, có khía.
87	Đầu Col Trắng 5-10 µl	Cái	10.640	Đầu côn trắng làm từ nhựa PP trong hoặc tương đương, không kim loại. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485; CE (Châu Âu); Dung tích 5-10 µL.
88	Đầu Col vàng các cỡ (có khía)	Cái	106.500	Đầu col vàng các cỡ. Có khía. Chất liệu bằng nhựa PP, không chứa kim loại, DNAse, RNAse. Thiết kế phù hợp với pipet, bên trong không bị dính nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485
89	Đầu col xanh các cỡ (có khía)	Cái	54.250	Đầu côn xanh các cỡ, có khía, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNAse, RNAse. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485.
90	Đầu lấy cao răng siêu âm P1	Chiếc	11	Đầu lấy cao răng siêu âm P1 bằng thép không gỉ, đầu nhỏ đến vừa
91	Dầu xịt tay khoan	Chai	15	Chai dung dịch xịt tay khoan dùng trong nha khoa. Chai tối thiểu 550ml

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
92	Dây dẫn đường (guide vằn) dùng cho máy tán sỏi Laser Acu-H2G	Cái	13	Các cỡ: 0.032"- 0.035", dài 150cm. Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm có phủ lớp hydrophilic, vỏ vằn.
93	Dây dẫn Hydrophilic (guide đen) dùng cho máy tán sỏi Laser Acu-H2G	Cái	20	Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic;Các cỡ: 0.032"; 0.035", dài 150cm.
94	Dây dẫn PTFE (guide xanh) các cỡ dùng cho máy tán sỏi Laser Acu-H2G	Cái	100	Vô trùng. Chất liệu Nitinol, phủ PTFE, đầu thẳng Các cỡ:0.032"; 0.035"; dài 150cm.
95	Dây dao cắt cầm máu siêu âm (tay dao HP054) dùng cho Máy cắt cầm máu siêu âm	Cái	69	Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, dùng cho mổ nội soi, tích hợp với máy GEN11
96	Dây nối bơm tiêm thuốc cản quang	Cái	763	Sử dụng cho máy Bơm tiêm thuốc cản quang 2 nòng. Chiều dài các cỡ. Mức chịu áp lực tối đa: 300psi.
97	Đệm hàm nhựa thường cho hàm giả tháo lắp	Hàm	10	Vật liệu đệm hàm bằng nhựa dẻo sinh học, an toàn, lành tính, không kích ứng.
98	Dung dịch Eugenol	Lọ	5	Dạng dung dịch đựng trong lọ thủy tinh bịt kín dùng trong nha khoa. Dung tích tối thiểu 30ml/lọ
99	Dung dịch H_2O_2 dùng cho máy hấp Plasma SMS	Chai	120	Dung dịch H2O2 dùng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma SMS
100	Dung dịch sát trùng tủy sống Camphenol	Lọ	5	Dạng dung dịch đựng trong lọ thủy tinh, bịt kín, nắp cao su. Lọ tối thiểu 15ml
101	File rung rửa nội nha U-File số 20	Vỉ	4	File rung rửa nội nha U-File số 20. Tối thiểu 6 cây/vỉ
102	File rung rửa nội nha U-File số 25	Vỉ	4	File rung rửa nội nha U-File số 25. Tối thiểu 6 cây/vỉ

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
103	Găng khám các cỡ	Đôi	1.204.313	Găng khám dùng trong y tế các cỡ, được làm từ cao su thiên nhiên có độ đàn hồi cao, mềm. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485
104	Găng tay không bột	Hộp	300	Găng tay sạch không bột, các cỡ, được làm từ cao su thiên nhiên có độ đàn hồi cao, mềm. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485
105	Gel có nano bạc, tuýp 20g hoặc tương đương	Tuýp	22	Tuýp 20g có chứa hoạt chất Bạc (Ag) hoặc tương đương
106	Giấy in ảnh A5	Tập	375	Chất liệu giấy bóng 1 mặt, kích thước khổ A5. Tập tối thiểu 100 tờ
107	Giấy in cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100S	Cuộn	75	Giấy in cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100s
108	Giấy in dùng cho máy hấp nhiệt độ cao SMS	Cuộn	20	Giấy in 2 lớp dùng in kết quả máy hấp nhiệt độ cao SMS
109	Giấy in dùng cho máy tiệt trùng Plasma SMS	Cuộn	50	Giấy in 2 lớp dùng in kết quả cho máy tiệt trùng Plasma SMS
110	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo huyết áp tự động để bàn	Cuộn	3.338	Kích thước 58mm X30m hoặc tương đương, tương thích với máy đo huyết áp tự động để bàn
111	Giấy lau kính hiển vi	Hộp	92	Giấy lau kính hiển vi kích thước 11 x 21 cm hoặc tương đương. Hộp tối thiểu 500 tờ
112	Giấy monitor sản khoa	Hộp	50	Giấy monitor sản khoa tương thích với dòng máy Toitu (có lỗ và không lỗ). Kích thước: 152mm x 150mm, xấp ≥ 200 tờ
113	Giấy Parafilm	Cuộn	76	Kích thước: ≥ 10cm x 38m
114	Gối kê tay	Cái	220	Gối kê tay dùng khi lấy máu hoặc đo huyết áp, chất liệu bằng vải hoặc tương đương
115	Hàm giả tháo lắp (bán phần+toàn phần) nền dẻo	Hàm	100	Nền hàm làm từ chất liệu nhựa dẻo sinh học đảm bảo ôm sát nướu linh hoạt, an toàn, lành tính. Răng giả bằng nhựa.
116	Hàm giả tháo lắp (bán phần+toàn phần) nền nhựa thường	Hàm	100	Nền hàm làm từ nhựa cứng, chất liệu nhựa lành tính, an toàn, không kích ứng khoang miệng. Răng giả bằng nhựa.

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
117	Hộp mực in dùng cho máy hấp nhiệt độ cao SMS	Hộp	10	Mực in dùng cho máy hấp nhiệt độ cao SMS
118	Keo dán composite	Lọ	44	Keo dán composite dùng trong nha khoa, loại 3in1 (tích hợp cả etching và bond). Lọ tối thiểu 5ml
119	Ker chữ T các số	Cái	10	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon .Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr10-Fr26. Đạt TC ISO 13485:2016 , EC (Châu Âu)
120	Khẩu trang N95	Cái	2.000	Cấu tạo gồm 5 lớp: - Lớp ngoài và 2 lớp trong được làm bằng vải không dệt không hút nước. - 2 Lớp giữa, một lớp được làm bằng vải thấu khí, một lớp được làm bằng vải vi lọc. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) Đạt yêu cầu Khẩu trang y tế phòng nhiễm khuẩn theo TCVN 8389-2: 2010 hoặc tương đương.
121	Khẩu trang phẫu thuật viên buộc dây	Cái	19.800	Khẩu trang phẫu thuật viên buộc dây cấu tạo có 3 lớp: + Hai lớp ngoài: vải không dệt không hút nước. + Lớp giữa: Giấy vi lọc thấu khí không thấm nước Sản phẩm có thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại. Dây buộc làm từ vải không dệt. Độ lọc khuẩn (%BFE) ≥ 98%; Lọc hạt bụi (0,1µm) PFE ≥ 98%, Áp lực thở (DeltaP) < 5mmH2O/cm2 Đạt TCVN 8389-1:2010 của Bộ Y Tế Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu). Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
122	Khay lạnh 0.2 ml		2	Phù hợp ống PCR 0.2ml 96 vị trí và đĩa PCR, đáy chữ V - Chất liệu hợp kim nhôm siêu bền - Điều kiện bảo quản ban đầu: -20°C, khoảng 4-6h - Giữ lạnh 1-2 giờ nhiệt độ 0.5 đến 4°C
123	Khay lạnh 1.5 ml	Cái	3	Hộp lưu trữ đông lạnh PCR 1.5 ml 24 vị trí. Có thể giữ ở nhiệt độ 0°C lên đến 6h và – 21°C lên đến 3h. - Chất liệu PP đặc chắc chắn, độ bền cao
124	Khay mực in dùng cho máy tiệt trùng	khay	10	Mực in dùng cho máy tiệt trùng Plasma SMS

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	Plasma SMS			
125	Khí sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	Bình	2.194	Dùng cho máy phát tia Plasma lạnh * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết ≥ 99,9995% - H2O < 3 ppm; N2 < 5 ppm; Oxygen < 2 ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích ≥8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) (±5%) - Kích thước bao gồm nắp: 159 x 8 x 730 (mm)(±5%) - Áp suất an toàn của bình chứa: ≥250 bar - Áp suất khí nén khi đầy: ≤150 bar - Thể tích khí trong bình (Khi giải nén): ≥1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 - 6 mm - Giao diện nối điện tử: HDMI
126	Kim bút Novofine 32G 4mm hoặc tương đương	Cái	52.000	Đầu kim được bảo quản niêm phong bao bì vô trùng, làm từ thép không gỉ chất lượng cao. Nhờ đó đảm bảo độ sắc bén và độ bền của kim, đồng thời giảm nguy cơ nhiễm trùng và kích ứng. Kim có kích thước 0,25 x 4mm. Phần đường kính nhỏ và chiều dài được tính toán hợp lý giúp insulin được đưa vào lớp mỡ dưới da mà không làm tổn thương mô.
127	Kim chọc dò dịch não tủy	Cái	22	Kim chọc dò dịch não tủy
128	Kim đốt sóng cao tần tuyến giáp (kèm theo phụ kiện tiêu chuẩn) sử dụng cho máy đốt sóng cao tần Viva Multi FR VMS30	Cái	1.200	- Có hệ thống làm mát.- Có cảm biến nhiệt độ tại đầu thân kim hoặc cảm biến nhiệt độ tại đầu mũi kim.- Có nhiều kích thước và đầu phát nhiệt khác nhau, tối thiểu có: + Đường kính đầu kim đốt: Từ 19G đến 15G+ Chiều dài tay đốt: Từ 70mm đến 270mm+ Chiều dài đoạn sinh nhiệt: Từ 5mm đến 30mm- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu).
129	Kim đốt sóng cao tần tuyến giáp (kèm theo phụ kiện tiêu chuẩn)	Cái	1.550	- Có hệ thống làm mát.- Có cảm biến nhiệt độ tại đầu thân kim hoặc cảm biến nhiệt độ tại đầu mũi kim.- Có nhiều kích thước và đầu phát nhiệt khác nhau, tối thiểu có: + Đường kính đầu kim đốt: Từ 19G đến 15G+ Chiều dài tay đốt: Từ 70mm đến 270mm+ Chiều dài đoạn sinh nhiệt: Từ 5mm đến

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
	sử dụng cho máy đốt sóng cao tần			30mm- Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), tiêu chuẩn CE (Châu Âu).
130	Kim gây tê nha khoa Terumo hoặc tương đương	Hộp	11	Cỡ kim: 27G - Chiều dài kim: 21mm. Đầu kim sắc bén, có độ bền cao, Chỉ báo mặt vát kim, đóng gói riêng biệt. Tiệt trùng bằng Etylen dioxit. Vật liệu: Kim: không gỉ, đốc kim: PP
131	Lam kính loại mài đầu	Hộp	36.516	Loại mài đầu. Tối thiểu 72 cái/ hộp. Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 13485
132	Lamen 22 x 22	Hộp	140	Tiêu bản kính hình vuông có kích cỡ 22x22mm, được làm từ thủy tinh không màu. Có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485. Tối thiểu 1000 cái/hộp
133	Lamen 22 x 40	Hộp	203	Tiêu bản kính hình chữ nhật có kích cỡ 22x40mm, được làm từ thủy tinh không màu. Có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485. Tối thiểu 1000 cái/hộp
134	Lamen 24 x 50	Hộp	188	Tiêu bản kính hình chữ nhật có kích cỡ 24x50mm, được làm từ thủy tinh không màu. Có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485. Tối thiểu 1000 cái/hộp
135	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm có nắp xoáy, vô khuẩn	Cái	4.875	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp, vô khuẩn, dung tích khoảng 50ml.
136	Lọ thủy tinh 1000ml	Lọ	13	Lọ thủy tinh. Kích thước khoảng 1000 ml
137	Lọ thủy tinh 500ml	Lọ	13	Lọ thủy tinh. Kích thước khoảng 500 ml
138	Lưỡi dao mổ các số	Cái	66.425	Chất liệu thép không gỉ. Có tối thiểu các số: 11, 15, 20, 21, 22 - Tiệt trùng bằng tia gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
139	Mask thở máy không xâm nhập	Cái	88	Tấm tựa trán có thể điều chỉnh được giúp phù hợp với nhiều cấu trúc gương mặt khác nhau Có vành Silicon, lỗ thoát khí, dây đeo
140	Mask thở O2 (có vành bơm hơi bằng nhựa)	Cái	775	Có các cỡ từ 0-5. Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
141	Mặt gương nha khoa	Cái	444	Cán gương inox bề mặt nhẵn
142	Mẫu sinh học cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100S	Hộp	2	Mẫu sinh học cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100S. Tối thiểu 30 que/hộp
143	Mỏ vịt	Cái	5.000	Mỏ vịt bằng nhựa dùng 1 lần có khóa.
144	Mũi dũa tủy H-Files 21mm #15-40	Vỉ	11	Mũi dũa tủy H-Files 21mm #15-40. Tối thiểu 6 cây/vỉ
145	Mũi khoan cắt đầu	Cái	25	Mũi khoan thép cứng sử dụng trong nha khoa
146	Mũi nong tủy K-Files #15-40	Cái	60	Bộ file nong tủy sử dụng trong nha khoa đủ size từ 15 - 40.
147	Ống cryo 2ml	Cái	100	+ Được làm bằng Polypropylene y tế + Có thể khử trùng, Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần + Lọ vừa với hộp đông lạnh 1 inch và 2 inch tiêu chuẩn + Tiệt trùng bức xạ gamma + Không có DNase & RNase, không có nội độc tố và không có DNA của con người + Dung tích 2ml tự đứng có vùng viết màu trắng và vạch chia màu đen
148	Ống đong nước tiểu chia vạch bằng nhựa	Cái	5	Ống đong nhựa được làm từ nhựa PP hoặc tương đương, màu trắng có vạch chia màu xanh rõ ràng, dễ quan sát. Dung tích: 2 lít có vạch chia định lượng
149	Ống Facol chứa mẫu chống đông chân không 10ml	Cái	400	Ống Facol chứa mẫu chống đông chân không 10ml
150	Ống Facol vô khuẩn 15ml	Ống	7.500	Chất liệu nhựa PP/PE hoặc tương đương. Đóng gói tiệt trùng riêng biệt. Độ dày ≥1mm. Dung tích khoảng 15ml.
151	Ống hút nước bọt	Túi	44	Ống hút nước bọt loại trong suốt. Túi tối thiểu 100 cái
152	Ống nghiệm đựng - bảo quản bệnh phẩm sinh thiết	Bộ	700	Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn, nắp vặn, dung tích ≥ 40ml Chất liệu: nhựa PP/PS Tiệt trùng bằng chiếu xạ
153	Ống nội khí quản hút trên cuff (HI-10 EVAC)	Cái	132	Chất liệu từ vật liệu PVC y tế hoặc tương đương. Sử dụng một lần, các cỡ.

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
154	Ống thông (Catheter) đốt suy tĩnh mạch bằng sóng cao tần	Cái	240	- Phù hợp với catheter 7Fr - Tương thích với dây dẫn 0,025" - Chiều dài đầu sinh nhiệt tối thiểu kích cỡ 1,0cm; 1,5cm, 2cm, 3cm, 7cm - Chiều dài ống thông tối thiểu các cỡ: 45cm, 60cm, 70cm, 90cm, 100cm - Có thể cài đặt nhiệt độ từ 95 - 120 độ
155	Ống thủy tinh 5ml	Cái	275.000	Ống nghiệm thủy tinh, dung tích 5ml
156	Phễu thủy tinh	Cái	136	Phễu thủy tinh
157	Phim X Quang khô cỡ 8x10inch (20x25cm) dùng cho máy in Agfa	Hộp	10	Sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp. Gồm nền polyethylene terephthalate dày 168 µm, bên ngoài phủ lớp muối bạc và lớp chống chầy xước, chống thấm. Kích thước: 8x10inch (20cmx25cm). Tối thiểu 100 tờ/ hộpĐạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001, CE.
158	Pin AA 1,5V	Đôi	6.314	Pin AA điện áp 1,5V
159	Pin AAA 1,5V	Đôi	2.211	Pin AAA điện áp 1,5V
160	Pin C	Đôi	15	Pin C điện áp 1,5V
161	Pin D	Viên	500	Pin D điện áp 1,5V
162	Pin vuông 9V	Viên	110	Pin vuông điện áp 9V
163	Pipet nhựa có bầu 3ml	Cái	27.625	Pipet nhựa có bầu, dung tích 3ml
164	Pipet thủy tinh 0.5 ml (loại bầu)	Cái	3	Pipet bầu thủy tinh 0.5 ml
165	Pipet thủy tinh 1 ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 1 ml
166	Pipet thủy tinh 10ml (loại bầu)	Cái	7	Pipet bầu, thủy tinh 10 ml
167	Pipet thủy tinh 2 ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 2 ml
168	Pipet thủy tinh 3ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 3ml
169	Pipet thủy tinh 5ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 5ml
170	Quả bóp cao su	Quả	10	Chất liệu: Cao su. Đầu bóp cao su nhọn dễ đặt vào phần đuôi Pipet
171	Que cấy gỗ tiệt trùng	Gói	30	Chất liệu: gỗ. Tiệt trùng Đầu không có bông chiều dài que khoảng 15cm (± 10%). Đường kính que khoảng 3mm (± 10%).

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
172	Que chỉ thị hóa học dùng cho Máy Plasma SMS	Hộp	60	Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2, chuyển từ đỏ sang vàng, màu biểu thị trên thanh đối chứng (hoặc sáng hơn) khi tiếp xúc vưới H2O2. Tương thích với các dòng máy Plasma SMS. Hộp tối thiểu 1000 que. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO, CFG do FDA cấp.
173	Que nhuộm Flourescein Sodium	Cái	1.344	Mỗi que nhuộm chứa 1mg Fluorescein Sodium, các que nhuộm được bảo quản riêng trong túi vô khuẩn, đầu que thiết kế tròn. Đạt chuẩn CE (Châu Âu), ISO 13485 và ISO 9001
174	Que test nồng độ hiệu dụng hóa chất rửa quả lọc thận nhân tạo	Que	625	Dùng để thử "hiệu lực"; "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quả lọc. Kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây
175	Que test tồn dư hóa chất rửa quả lọc thận	Que	625	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước. Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây. Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm
176	Săng có lỗ (Kt70cm X 70cm)	Cái	24	Săng có lỗ kích thước khoảng 70x70 cm
177	Săng đa dụng (Kt 120cm x 140cm)	Cái	20	Săng đa dụng (Kt 120cm x 140cm)
178	Săng không lỗ (Kt70cm X 70cm)	Cái	56	Săng không lỗ kích thước khoảng 70x70 cm
179	Săng trải bàn tip (Kt 80cm x 80cm)	Cái	20	Săng trải bàn tip (Kt 80cm x 80cm)
180	Sợi truyền quang (Dùng cho máy tán sỏi laser). Đường kính: 550 µm	Cái	8	Đường kính 550 µm, dài 3m. 01 sợi/gói; vô trùng.
181	Sonde hút đờm các số	Cái	40.919	Chất liệu PVC, chịu được áp lực cao của máy hút, ống không bị bẹp khi hút. Bề mặt thiết kế đặc biệt (Tạo nhám) để có trở lực thấp chống dính vào thành ống. Ống đã được tiệt trùng, dài 50cm, có 2 mắt phụ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, Đạt tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
182	Sonde polây 3 nhánh các số	Cái	3.234	Từ latex tự nhiên Phủ Silicone Van nhựa hoặc van cao su có mã màu cho từng kích thước Fr16-Fr26 (tiêu chuẩn) Chiều dài: 400mm Dung tích bóng: 30cc
183	Tăm bông bôi bond	Lọ	66	Tăm bông loại fine (màu xanh da trời). Lọ tối thiểu 100 cái.
184	Tấm che phủ vùng cơ thể hữu khuẩn bằng nilon (vô khuẩn - dùng 1 lần)	Cái	500	Tấm trải trên cơ thể bệnh nhân. Vô khuẩn, dùng 1 lần
185	Tấm dán sau phẫu thuật 7cmx5cm hoặc tương đương	Miếng	8.600	- Kích thước: 5cm x 7,2cm hoặc tương đương - Thành phần: film polyurethane, keo polyacrylate, gạc thấm hút không dính - Tốc độ thoát khí: >800 g/m²*24h - Độ bám dính: 3,40N/cm - Độ dày film ≤ 37 µm - Lớp film chống nước, bệnh nhân có thể tắm được mà không cần thay băng - Góc băng bo tròn, không để lại cặn, sót keo khi thay băng, thay băng không đau. - Thúc đẩy quá trình lành thương nhờ khả năng duy trì ẩm tối ưu. - Đóng gói vô trùng từng miếng, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
186	Tấm lót thu hồi điện cực kèm 2 dây cáp tương thích	Cái	12	Tấm lót điện cực thu hồi, có 2 đầu dây điện để có thể kết nối với một hoặc hai máy phát; kích thước khoảng 36 inch * 20 inch (91cm*51cm); dày 1/8inch (0,3cm); trọng lượng khoảng 4,5Lbs (2,04kg); dùng được cho bệnh nhân từ 350gram, không giới hạn cân nặng.Dây kết nối dài 2,4m (8,0 ft), dạng dắc cắm điện thoại B-205.Dây cáp chuyển đổi tương thích với tấm lót trung tính dài 2,4m
187	Tấm lưới Hydro gel công nghệ vật lý Sorbact với màng xanh DACC kháng khuẩn 7,5cmX15cm hoặc tương đương	Cái	220	- Kích thước 7,5cm x 15cm hoặc tương đương.- Thành phần: + Vải axetat tẩm dẫn xuất axit béo DACC kiểm soát và ngừa nhiễm trùng hiệu quả + Lớp phủ Hydrogel giúp làm mềm các vết mài cứng, duy trì độ ẩm tối ưu thúc đẩy quá trình lên mô hạt giúp nhanh lành vết thương.- Gel gốc nước chứa cabomer 940 và propylen glycol (10%)- Phù hợp cho các vết thương hở cần cấp ẩm, hỗ trợ lành da nhanh.- Vô trùng, đóng gói kín riêng từng miếng, tiệt trùng bằng bức xạ Gamma.- Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
188	Test chlolorine	Que	1.400	Dùng để kiểm tra nước R.O cho chạy thận nhân tạo và nước rửa quả lọc. Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách, đảm bảo rằng nồng độ clo tự do dưới mức tối đa cho phép AAMI-nồng độ 0.5ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤35 giây
189	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	Hàm	40	Móc được thêm làm bằng kim loại (hợp kim Cr-Co, Ni – Cr...) an toàn, lành tính.
190	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	Hàm	50	Răng được thêm làm bằng chất liệu răng nhựa, an toàn, lành tính.
191	Toan 1 lớp 1m x 1m	Bộ	40	Toan 1 lớp 1m x 1m
192	Toan có lỗ 80 x 90cm	Bộ	80	Toan có lỗ 80 x 90cm
193	Trâm gai 21mm #1-6	Vỉ	11	Bộ trâm gai lấy tủy đủ size 1-6, sử dụng trong nha khoa, chiều dài 21mm. Vỉ tối thiểu 6 cái
194	Túi đơn đựng máu có chống đông ACD-A	Túi	30	Dung tích ≥ 250ml Túi chứa ≥ 35ml dung dịch chống đông Ống dây lấy máu dài khoảng ≥ 950mm Sức bền của túi: + Sức bền ly tâm: ≥ 5000g trong 10 phút; + Sức bền áp lực: ≥ 0.7kg/cm2 trong 10 phút; + Sức bền nhiệt độ: trong khoảng ≤ -80°C tới ≥ 40°C.
195	Túi đựng dịch thải 5L	Cái	440	Túi đựng dịch thải 5L
196	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn (350mm X 70m) với chỉ thị hóa học, dùng cho Máy Plasma SMS	Cuộn	120	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn bằng Máy Plasma SMS, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn vủa dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Lớp Tyvek: Cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào bằng mặt này. Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang vàng. Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Plasma SMS. Rộng: 350mm, dài 70m. Đạt tiêu chuẩn: EC (Châu Âu), ISO 13485, CFG do FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)
197	Túi zip bạc 12x17 (dùng đựng bệnh phẩm)	Kg	633	Túi zipper một mặt bạc, một mặt trong kích thước khoảng 12x17 cm

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
198	Tuýp ly tâm 1.5ml	Gói	180	Tuýp ly tâm dung tích khoảng 1.5ml (± 5%) Chất liệu thân ống: nhựa PP, có nắp Chịu được ly tâm 20.000 RCF
199	Vật liệu cầm máu Surgicel 10X20 W1912 hoặc tương đương	Miếng	150	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp, kích thước 10 x 20cm, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, tiêu chuẩn CE (Châu Âu)
200	Veneer sứ toàn phần	Cái	10	Miếng dán cấu tạo hoàn toàn từ sứ nguyên chất, kích thước siêu mỏng 0,3-0,5mm, chế tác công nghệ CAD/CAM, độ chịu lực 400Mpa.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 541 /BVNTTW ngày 18 tháng 4 năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi …… *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các…. hàng hóa/dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3) (Nếu có)	Mã HS(4) (Nếu có)	Năm sản xuất(5) (Nếu có)	Hạn sử dụng từ ngày sản xuất (Tháng)	Xuất xứ(6) (Nếu có)	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng/khối lượng(7)	Thông số kỹ thuật(8)	Đơn giá(9) (VND) Đã bao gồm VAT	Thành tiền(10) (VND)
1												
2												
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa/dịch vụ theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Hàng hóa/dịch vụ" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa/dịch vụ 9 (nếu có) tương ứng với chủng loại hàng hóa/dịch vụ ghi tại cột "Danh mục hàng hóa/dịch vụ".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa/dịch vụ (nếu có).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa/dịch vụ (nếu có).

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từnghàng hóa/dịch vụ.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa/dịch vụ. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa/dịch vụ (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.